

Số: 1116/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 9, ngày 15 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - T PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 951/2020/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lâm Vũ T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường L, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Hà P, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Đường 4, Tổ dân phố 9, khu phố 7, phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu ông Lâm Vũ T và bà Lê Hà P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2013, quyển số 01/2013, quyển số 01/2012 ngày 30/01/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Lâm Vũ T và bà Lê Hà P là hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống bình thường hạnh phúc, đến tháng năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, bất đồng về cách nuôi dạy con cái, mâu thuẫn với gia đình hai bên, không ai hiểu ai. Hai bên gia đình cũng hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn

nhân không thể kéo dài. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, nên việc ông T, bà P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Tường K, sinh ngày 30/3/2015 và Lâm Sơn T, sinh ngày 30/3/2015. Hai bên thỏa thuận ly hôn bà Lê Hà P trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Lâm Tường K và Lâm Sơn T; ông Lâm Vũ T cấp dưỡng mỗi người con chung 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà P trình bày không có.

Về nợ chung: Ông T và bà P trình bày không có.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Vũ T và bà Lê Hà P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2013, quyển số 01/2013, quyển số 01/2012 ngày 30/01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 2, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lâm Vũ T và bà Lê Hà P không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Tường K, sinh ngày 30/3/2015 và Lâm Sơn T, sinh ngày 30/3/2015. Bà Lê Hà P trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Lâm Tường K và Lâm Sơn T; ông Lâm Vũ T cấp dưỡng mỗi người con chung 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các T viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông T và bà P trình bày không có, Tòa án không xem xét.

Nợ chung: Ông T và bà P trình bày không có, Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Lâm Vũ T và bà Lê Hà P phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0046941 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, T phố Hồ Chí Minh. Ông Lâm Vũ T và bà Lê Hà P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS Q.9
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND Q.9;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Tùng